

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2026/HSPT**
Ngày: 28/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**
 ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quang Hưng**, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Đỗ Ngọc T cùng 03 bị cáo khác về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Ngọc T, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2003 tại tỉnh Khánh Hoà; nơi cư trú: tổ B T, đường V, phường V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hoà; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc L1; có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Cáo trạng số 179/CT-VKSNT ngày 04/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hoà) truy tố Đỗ Ngọc T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự;

- Cáo trạng số 204/CT-VKSNT ngày 26/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa) truy tố Đỗ Ngọc T về tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02 tháng 3 năm 2024 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Hoàng Như Â, sinh năm 2003 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thu B; có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Đỗ Ngọc B1, sinh năm 1998 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: tổ B T, phường V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: khu nhà trọ thôn P, xã P, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc L1; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18 tháng 12 năm 2024 cho đến nay; có mặt.

4. Mai Đức Đ, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2006 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân N (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Â: ông Hồ Ngọc N1, Luật sư, Văn phòng luật sư Hồ Ngọc N1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi Luận cứ bào chữa cho các bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Ngọc B1: bà Trương Thị Thương T1, Luật sư, Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Mai Đức Đ: ông Lê Kim T2, Luật sư, Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Phan Tấn N2, Nguyễn Văn S, Đặng Lâm V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 15/9/2023, Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tiếp nhận tin báo của anh Trần Quốc Đ1 về việc có một nam thanh niên sử dụng số điện thoại 0584733495 gọi cho Đ1 đến nhà số B đường P, phường V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa thuê chở 02 thùng carton đến văn phòng N3 tại thành phố N để gửi đi thành phố Q, tỉnh Bình Định và thành phố Đà Nẵng. Do nghi ngờ bên trong 02 thùng carton có chứa chất cấm nên anh Đ1 đến cơ quan Công an trình báo và giao nộp 02 thùng carton màu nâu được dán kín, gồm:

- 01 thùng bên trên có ghi “0867271807, Lê Cao Quốc H, Q” bên trong chứa 10,1kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMA-4en-PINACA (Kí hiệu: A);

- 01 thùng bên trên có ghi “0707993321, Võ Thanh S1, Đà Nẵng” bên trong chứa 10kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMA-4en-PINACA (Kí hiệu: B).

Căn cứ nội dung tin báo trên, vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố N phối hợp Công an phường V đến nhà số B đường P, phường V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa để kiểm tra. Qua đó, Tổ công tác xác định Đỗ Ngọc T là người đã gọi và thuê anh Đ1 chở 02 thùng carton bên trong chứa ma túy loại cỏ Mỹ đến Văn phòng N3 gửi đi bán cho khách mua tại thành phố Q và thành phố Đà Nẵng. Cùng ngày, tiến hành khám xét chỗ ở của T tại địa chỉ trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N phát hiện, thu giữ 62,9kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMA-4en-PINACA (Kí hiệu: A2, A3, A4, A5, A6); 174,3kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMA-FUBINACA (Kí hiệu: B10, B 11.1, B 11.2, B12 đến B24) cùng nhiều chất lỏng, chất bột và các phương tiện, thiết bị để thực hiện việc pha chế, phun tẩm ma túy vào thảo mộc khô.

Tại Bản kết luận giám định số 6026/KL-KTHS ngày 20/9/2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Các mẫu có ký hiệu A, B, A2, A3, A4, A5, A6 đều được niêm phong, gửi giám định đều là ma túy, loại: MDMA-4en-PINACA, khối lượng gồm: Mẫu ký hiệu A: 10,1kg; Mẫu ký hiệu B: 10kg; Mẫu ký hiệu A2: 10,3kg; Mẫu ký hiệu A3: 31kg; Mẫu ký hiệu A4: 5,8kg; Mẫu ký hiệu A5: 9,8kg; Mẫu ký hiệu A6: 06kg;

- Các mẫu có ký hiệu B10, B 11.1, B 11.2, từ B12 đến B24 đều được niêm phong, gửi giám định đều là ma túy, loại: MDMA-FUBINACA, khối lượng gồm: Mẫu ký hiệu B10: 26kg; Mẫu ký hiệu B 11.1: 7,5kg; Mẫu ký hiệu B 11.2: 10,8kg; Mẫu ký hiệu từ B12 đến B24: 130kg.

- Hiện nay, Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh không có mẫu chuẩn định lượng MDMA-4en-PINACA và MDMA-PUBINACA, do vậy Phân viện không tiến hành giám định hàm lượng MDMA-4en-PINACA và

MDMB-FUBINACA theo yêu cầu của Cơ quan cảnh sát điều tra (BL 74, 75, 76).

Quá trình điều tra xác định được: khoảng tháng 4/2023, Đỗ Ngọc T và Nguyễn Hoàng Như Â cùng thuê nhà tại số B đường P, phường V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa để chung sống như vợ chồng, sử dụng tầng 01 làm nơi sinh hoạt gia đình, tầng 02 và tầng 03 Túng để các máy móc, hóa chất, thảo mộc khô, nguyên vật liệu để thực hiện hành vi pha trộn thành ma túy để phun tẩm vào thảo mộc khô thành ma túy loại “Cỏ Mỹ” rồi phân lẻ, cất giấu, mang bán cho nhiều người ở nhiều địa phương trong cả nước.

Theo sự chỉ đạo của T, Nguyễn Hoàng Như Â đã sử dụng số điện thoại 0782543473 để đăng ký tài khoản Zalo tên “Như Ân”, Facebook tên “Nguyễn Hoàng Như Â” và T3 tên “Nguyễn Hoàng” để nhận đơn do khách đặt mua ma túy cỏ Mỹ rồi lên mã vận đơn để báo cho T biết số lượng từ 05 gam đến 10kg/01 bịch nylon (tương ứng số tiền khách mua đã chuyển khoản cho T hoặc Â) để T giao cho Phan Tân N2 phân lẻ với số lượng ma túy tương ứng bỏ vào từng bịch. Sau đó, N2 mang số ma túy đã được phân lẻ đến các văn phòng giao hàng nhanh (hoặc văn phòng giao hàng tiết kiệm hoặc các hãng xe khách, bưu điện) để gửi cho khách tại các địa phương. Mỗi lần đi giao ma túy, N2 đều gửi hình ảnh biên nhận hàng với thông tin người nhận và số điện thoại (do khách cung cấp) qua ứng dụng Zalo tên “Ngọc B2” và T3 tên “Huỳnh Ngọc B2” để T gửi thông tin cho khách để nhận hàng. Đổi lại, T sẽ đưa cho Â số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/01 tháng (để Â sinh hoạt ăn uống, nuôi con chung là Nguyễn Ngọc L2, sinh ngày 12/9/2023) và trả công cho N2. Với cách thức như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2023 đến ngày 15/9/2023, T đã chỉ đạo Â, N2 giúp sức cho T sản xuất, phân lẻ, đóng gói ma túy loại “Cỏ Mỹ” để bán.

Đến ngày 20/9/2023, biết số ma túy “Cỏ Mỹ” bị thu giữ trên thuộc danh mục các chất ma túy cấm sử dụng nên T đã bỏ trốn, sống tại khu vực giáp biên giới Campuchia - Việt Nam, gần Cửa khẩu Quốc tế M, tỉnh Tây Ninh. Ngày 04/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K ra Quyết định khởi tố bị can đối với T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 16/11/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K ra Quyết định truy nã đối với T. Trong thời gian trốn truy nã, thông qua mạng xã hội và dịch vụ giao hàng tiết kiệm, gửi hàng nhanh, T tiếp tục đặt mua nguyên vật liệu, hóa chất trong nước và từ Trung Quốc, điều hành, hướng dẫn Nguyễn Hoàng Như Â, Phan Tân N2, Nguyễn Văn S, Đặng Lâm V duy trì hoạt động pha chế, phun tẩm, mua bán trái phép chất ma túy “Cỏ M” cho nhiều người tại các địa phương. Thời điểm này, khi khách mua ma túy liên lạc với T qua các trang mạng xã hội (Zalo, T3 và Facebook), T thỏa thuận giá, thống nhất số lượng và cách thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng V1 số 0061001150772 mang tên Đỗ Ngọc T (hoặc qua tài khoản ngân hàng của Â hoặc của V). Đồng thời, T chỉ đạo Â sử dụng tài khoản ngân hàng V1 số 1031403172 mang tên Nguyễn Hoàng Như Â để mở tài khoản mã số S21669450 tại Văn phòng giao hàng tiết kiệm và giao hàng nhanh. Khi khách nhận hàng (chứa ma túy) có thể thanh toán trực tiếp tiền qua dịch vụ giao hàng nhanh (hoặc

giao hàng tiết kiệm), số tiền còn lại (sau khi trừ phí vận chuyển) sẽ được gửi trả lại vào tài khoản ngân hàng V1 số 1031403172 của A. Theo chỉ đạo của T, hàng ngày A sẽ tổng kết số tiền bán ma túy được chuyển vào tài khoản của mình để chuyển lại vào tài khoản của T.

Vào lúc 13 giờ 45 phút ngày 06/01/2024, tại khu vực đường N, xã V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa, Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố N phát hiện, bắt quả tang S đang tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 5,72 kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMA-FUBINACA (kí hiệu: A). S thừa nhận số ma túy trên do S cùng V, N2 phun tẩm ma túy vào thảo mộc khô với số lượng lớn đang cất giấu tại nhà trọ không số thuộc khu vực N, xã V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa để mang đi bán cho người khác theo sự chỉ đạo của T. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố N phát hiện V đang ở trong nhà trọ không số thuộc khu vực N, xã V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa nên tiến hành làm việc. V thừa nhận cùng S, N2 phun tẩm ma túy vào thảo mộc khô để cất giấu, phân lẻ và mang bán cho người khác. Cùng ngày, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của S và V tại nhà trọ không số thuộc khu vực N, xã V, thành phố N (nay là phường N) và tại căn hộ S tầng B tòa nhà N thuộc phường V, thành phố N (nay là phường B), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N phát hiện, thu giữ 63,1 kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMA - FUBINACA (kí hiệu: B, B1, B2) và chất lỏng có tổng thể tích 11.930ml loại MDMA - FUBINACA (kí hiệu: B9, B10), cùng nhiều loại chất dẻo, các phương tiện, thiết bị (gồm cân điện tử, thau nhựa, nồi để nấu). S và V cùng khai nhận được T hướng dẫn công thức pha chế, cung cấp máy móc, nguyên vật liệu để S, V và N2 thực hiện việc pha trộn, phun tẩm ma túy vào thảo mộc khô để phân lẻ, cất giấu mang bán cho người khác. Trả tiền công cho S, V, N2 trong việc sản xuất, mua bán ma túy “Cỏ M” với số tiền từ 200.000đồng đến 500.000đồng/01 người/01 ngày.

Tại Bản kết luận giám định số 53/2024/KL-KTHS ngày 12/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: Thảo mộc khô trong các mẫu ký hiệu A, B, B1, B2 gửi giám định đều là ma túy, loại MDMA-FUBINACA. Mẫu A có khối lượng 5,72kg; Mẫu B có khối lượng 12,14kg; Mẫu B1 có khối lượng 41,18kg; Mẫu B2 có khối lượng 9,78kg (BL 235, 236).

Tại Bản kết luận giám định số 2975/KL-KTHS ngày 25/6/2024 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu ký hiệu B9: chất lỏng đựng trong 01 can nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy, thể tích: 10.350ml, loại MDMA-FUBINACA. Mẫu ký hiệu B10: chất lỏng đựng trong 02 chai nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy, tổng thể tích: 1.580ml, loại MDMA-FUBINACA. Các mẫu chất lỏng (ký hiệu B9, B10) có chứa thành phần MDMA-INACA, ADB-INACA thuộc nhóm cần sa tổng hợp chưa được đưa vào trong Danh mục các chất ma túy và tiền chất của Chính P. Hiện nay, Phân viện không có mẫu chuẩn MDMA-FUBINACA để xác định hàm lượng (BL 242).

Sau khi S và V bị Công an bắt giữ, khoảng giữa tháng 01/2024, T tiếp tục chỉ đạo N2 cùng Mai Đức Đ thuê nhà ở huyện V để pha trộn, phun tẩm ma túy vào thảo mộc khô, mua bán ma túy “Cỏ Mỹ”. Trong thời gian này, A là người nhận trách nhiệm trả lương cho N2 và Đ bằng cách chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Q của Phan Tấn N2. Đến 21 giờ 00 phút ngày 02/3/2024, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh K phát hiện, bắt giữ được T ở gần khu vực Cửa khẩu Quốc tế M.

Ngày 02/3/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K triệu tập làm việc với N2 và Đ. Qua làm việc, N2 và Đ khai T chỉ đạo N2 và Đ ra huyện V, tỉnh Khánh Hòa thuê nhà để pha chế, phun tẩm ma túy vào thảo mộc khô và bán ma túy.

Ngày 02/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của N2 thuê để cùng Đ sản xuất ma túy, tại nhà không số trên đường N thuộc thôn P, xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Khánh Hòa và phòng trọ số P.07 thuộc dãy nhà trọ không số thuộc thôn T, xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Khánh Hòa, phát hiện thu giữ 7,97764kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMB-4en-PINACA (kí hiệu: B, N) và các loại chất lỏng, chất bột, các phương tiện, thiết bị gồm cân điện tử, bếp điện, xoong, thau, nồi, vớt, bông lọc, phễu... để nấu và phun tẩm ma túy.

Kết luận giám định số 156/2024/KL - KTHS ngày 11/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: Thảo mộc khô trong các mẫu ký hiệu B, N gửi giám định đều là ma túy, loại MDMB-4en-PINACA. Mẫu B có khối lượng 7,5kg; Mẫu N có khối lượng 0,47764kg (BL 406).

Từ năm 2019 đến năm 2020, Đỗ Ngọc B1 (sử dụng số điện thoại 0395019666 hoặc Messenger tên “Nợ cuộc đời”) biết em ruột là Đỗ Ngọc T (T sử dụng số điện thoại 0777777427 hoặc Messenger tên “Huỳnh Ngọc B2”) mua ma túy “Cỏ Mỹ” từ thành phố Hồ Chí Minh về thành phố N bán nên B1 đã nhiều lần xin ma túy Cỏ Mỹ của T, mỗi lần khoảng từ 01kg đến 02 kg, B1 vừa sử dụng vừa phân lẻ thành các bịch nhỏ để bán cho nhiều người (không rõ lai lịch) với giá từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng /bịch.

Khoảng tháng 4 năm 2023, B1 biết T và A đến thuê nhà số B P, phường V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa để điều chế, phun tẩm ma túy lên thảo mộc khô để tạo thành ma túy “Cỏ Mỹ” với số lượng lớn, B1 đã xin T cho ma túy để sử dụng. T đồng ý và yêu cầu B1 sử dụng thông tin cá nhân của B1 đăng ký mở tài khoản ngân hàng để giúp T nhận tiền chuyển khoản của những người mua ma túy, đổi lại hàng tháng T sẽ cho ma túy “Cỏ Mỹ” và tiền để B1 tiêu xài, sử dụng, B1 đồng ý. Sau đó, B1 sử dụng căn cước công dân của mình và các số điện thoại do T cung cấp để đăng ký mở tài khoản, thẻ Ngân hàng. Khi ngân hàng V2 cấp số tài khoản số 105875413435 và Ngân hàng Q cấp số 0211810426666 cho B1 thì B1 chuyển app tài khoản ngân hàng, thông tin đăng nhập cùng mã giao dịch ngân hàng OTP đến máy điện thoại cho T, qua đó giúp T truy cập, xem biến động số dư khi có người mua ma túy “Cỏ M” chuyển

tiền vào tài khoản và tiếp tục chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng V1 số 0061001150772 của T hoặc tài khoản ngân hàng V1 số 1031403172 của A hoặc tài khoản ngân hàng Q của N2.

T đã nhiều lần cho B1 ma túy “Cỏ Mỹ” (B1 đến nhà số B P để lấy ma túy hoặc được N2 mang ma túy giao trực tiếp, mỗi lần khoảng từ 03kg đến 04kg ma túy Cỏ Mỹ) để B1 sử dụng và T nhiều lần chuyển khoản cho B1 từ 1.000.000đồng đến 5.000.000đồng/lần để tiêu xài.

Đầu tháng 9/2023, B1 nhận của T 02kg ma túy “Cỏ Mỹ” để sử dụng, đến ngày 15/9/2023, T bị Công an phát hiện sau đó bỏ trốn nên B1 không còn nguồn mua ma túy “Cỏ Mỹ”. Tuy nhiên, sau đó B1 vẫn đăng nhập được vào tài khoản V2 số 105875413435 và MB số Q để kiểm tra, thấy số dư biến động tăng và T vẫn truy cập, chuyển tiếp tiền vào tài khoản V1 số 0061001150772 của T nên B1 vẫn dùng thẻ ATM của tài khoản ngân hàng Q để rút tiền tiêu xài cá nhân.

Trong số những người mua ma túy của T và chuyển khoản tiền mua ma túy qua tài khoản ngân hàng V2 số 105875413435 của Đỗ Ngọc B1 có Võ Thanh S1 (sinh năm 1995, nơi cư trú: tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng), S1 khai nhận: từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2024, S1 đã sử dụng mạng xã hội Telegram tên “Hiếu Thanh” liên lạc, trao đổi với T qua T3 tên “Ngọc B2” để mua ma túy “Cỏ Mỹ” của T nhiều lần, mỗi lần S1 và T thống nhất số lượng ma túy từ 10kg đến 20kg với giá từ 3.000.000đồng/01kg đến 3.500.000đồng/01kg. T đã cung cấp số tài khoản 0061001150772 tại ngân hàng V1 của Đỗ Ngọc T và số tài khoản 105875413435 tại ngân hàng V2 tên Đỗ Ngọc B1 để S1 chuyển khoản trước số tiền tương ứng với số lượng ma túy “Cỏ Mỹ” cần mua. Lần gần nhất, vào ngày 28/02/2024, S1 đã chuyển khoản số tiền 60.000.000đồng từ tài khoản ngân hàng S2 số 0795121304 tên Võ Thanh S1 đến tài khoản ngân hàng V2 số 105875413435 của Đỗ Ngọc B1 để mua ma túy “Cỏ Mỹ”.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà quyết định:

- Căn cứ vào điểm h khoản 4 Điều 251; khoản 1 Điều 40; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm a, g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đỗ Ngọc T Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ vào điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng Như A 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam đi thi hành án.

- Căn cứ vào điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đỗ Ngọc B1 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam ngày 18 tháng 12 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024;

Xử phạt: bị cáo Mai Đức Đ 05 (Năm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phân hình phạt đối với các bị cáo Phan Tấn N2, Nguyễn Văn S, Đặng Lâm V, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo, quyền gửi đơn xin ân giảm theo luật định.

Ngày 18/7/2025, bị cáo Đỗ Ngọc B1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 21/7/2025, các bị cáo Nguyễn Hoàng Như Â, Mai Đức Đ có đơn kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 22/7/2025, bị cáo Đỗ Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung xin xem xét lại hình phạt của bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm không khách quan, chưa tiến hành giám định hàm lượng chất ma túy đối với lượng ma túy bị cáo bị quy kết mua bán trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Â, Đỗ Ngọc B1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo Mai Đức Đ tự nguyện xin rút kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo Mai Đức Đ; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Â và Đỗ Ngọc B1.

Những người bào chữa cho các bị cáo phát biểu quan điểm, Luận cứ bào chữa thống nhất với tội danh mà Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng Như Â và Đỗ Ngọc B1, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Â, B1; đối với bị cáo Đỗ Ngọc T thì căn cứ kết tội bị cáo chưa vững chắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: các ngày 18, 21 và 22/7/2025, các bị cáo Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Â, Đỗ Ngọc B1, Mai Đức Đ kháng cáo bản án sơ thẩm;

Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại các Điều 333, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà, bị cáo Mai Đức Đ tự nguyện rút kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đ, Bản án sơ thẩm có hiệu lực đối với bị cáo.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hoàng Như Â, Đỗ Ngọc B1 đều thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo Đỗ Ngọc T, Phan Tấn N2, Nguyễn Văn S, Đặng Lâm V trong cùng vụ án cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ tháng 4/2023 đến ngày 15/9/2023, tại nhà số B đường P, phường V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa, Đỗ Ngọc T, Phan Tấn N2 đã có hành vi trực tiếp sản xuất 83kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMA-4en-PINACA và 174,3kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMA-FUBINACA.

Trong thời gian trốn truy nã, từ ngày 22/9/2023 đến ngày 06/01/2024, Đỗ Ngọc T tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn cho Phan Tấn N2, Nguyễn Văn S, Đặng Lâm V sản xuất 68,82kg thảo mộc khô là ma túy loại MDMA-FUBINACA và 11930ml ma túy loại MDMA-FUBINACA tại N, xã V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. Khi S, V bị bắt từ tháng 01/2024 đến ngày 03/3/2024, Đỗ Ngọc T tiếp tục chỉ đạo cho Phan Tấn N2, Mai Đức Đ sản xuất 7,97764kg ma túy loại MDMA-4en-PINACA tại nhà không số trên đường N thuộc thôn P, xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Khánh Hòa và phòng trọ số P.07 thuộc dãy nhà trọ không số tại thôn T, xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Khánh Hòa mục đích để bán cho nhiều người trên toàn quốc.

Đối với Nguyễn Hoàng Như Â: Ân sống chung như vợ chồng với Đỗ Ngọc T, từ tháng 4/2023 đến tháng 3/2024, tuy không trực tiếp sản xuất trái phép ma túy nhưng Â đã có hành vi giúp sức cùng phân lẻ ma túy để bán; sử dụng tài khoản ngân hàng V1 đứng tên Nguyễn Hoàng Như Â để mở tài khoản mã số S21669450 tại văn phòng giao hàng tiết kiệm và giao hàng nhanh. Từ đó, khi khách nhận hàng (chứa ma túy) có thể thanh toán trực tiếp tiền qua dịch vụ giao hàng, số tiền còn lại (sau khi trừ chi phí vận chuyển) sẽ được gửi trả lại vào tài khoản ngân hàng V1 số 1031403172 của Â; Ân tổng kết số tiền bán ma túy được đã chuyển vào tài khoản của mình để chuyển lại vào tài khoản của T. Ngoài ra, Â còn có nhiệm vụ trả tiền công cho các bị cáo S, V và N2 trong việc sản xuất, mua bán trái phép chất ma túy Cỏ Mỹ.

Đối với Đỗ Ngọc B1: B1 là anh trai T, Đỗ Ngọc B1 đã có hành vi dùng thông tin cá nhân để mở các tài khoản ngân hàng cho Đỗ Ngọc T sử dụng, qua

đó giúp sức cho T trong giao dịch chuyển, nhận tiền mua bán trái phép chất ma túy Cỏ Mỹ với những người mua, đổi lại B1 được T cho tiền hoặc ma túy để sử dụng.

Tổng khối lượng, thể tích ma túy mà Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Á, Đỗ Ngọc B1 phải chịu trách nhiệm trong vụ án là 243,12kg MDMA-FUBINACA; 90,97764kg MDMA-4en-PINACA và 11.930ml loại MDMA-FUBINACA; tổng khối lượng ma túy mà bị cáo Mai Đức Đ phải chịu trách nhiệm trong vụ án là 7,97764kg MDMA-4en-PINACA.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà kết tội Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Á, Đỗ Ngọc B1 “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt “Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”, quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn của xã hội, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đủ năng lực nhận thức được ma túy là loại chất gây nghiện cực kỳ nguy hiểm nếu sử dụng, mua bán trái phép, nhưng vì mục đích háms lợi, phục vụ nhu cầu cá nhân, các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội mua bán với số lượng đặc biệt lớn, trong đó, Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Á, Đỗ Ngọc B1 bị quy kết mua bán 243,12kg ma túy loại MDMA-FUBINACA; 90,97764kg ma túy loại MDMA-4en-PINACA và 11.930ml loại MDMA-FUBINACA.

Sau khi phạm tội, các bị cáo Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Á, Đỗ Ngọc B1 đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo Đỗ Ngọc B1, Nguyễn Hoàng Như Á có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Đỗ Ngọc T đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm Môi giới hối lộ, Đưa hối lộ và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K đã khởi tố vụ án hình sự theo thông tin tố giác của bị cáo (QĐ khởi tố vụ án số 103/QĐ-CSĐT-VP ngày 19/7/2024); bị cáo Nguyễn Hoàng Như Á phạm tội khi đang có thai.

Các bị cáo phạm tội có tổ chức, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, mua sắm trang thiết bị, máy móc, hóa chất, nguyên liệu cơ sở; điều chế, phun tẩm để tạo thành chất ma túy; Đỗ Ngọc T phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo, chủ động vạch kế hoạch, thay đổi nhiều địa điểm sản xuất ở nhiều địa phương khác nhau trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nhằm tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần; Đỗ Ngọc T đã rù rê, xúi

giục Phan Tân N2 và Mai Đức Đ là những người chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, bị cáo Đỗ Ngọc T là người tổ chức, chủ mưu, điều hành, phân công nhiệm vụ, hướng dẫn cách làm, trả lương cho các bị cáo khác, đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Từ cuối năm 2019, bị cáo đã mua ma túy Cỏ Mỹ trên mạng xã hội để phân lẻ, bán lại cho người khác kiếm lời. Đến tháng 02/2020, bị cáo bắt đầu tìm hiểu, học cách điều chế ma túy Cỏ Mỹ và bán cho nhiều người, ở nhiều nơi trên phạm vi toàn quốc. Khi bị phát hiện, bị cáo đã bỏ trốn nhưng vẫn tiếp tục liên lạc, theo dõi, đôn đốc, thúc đẩy và hướng dẫn các bị cáo khác cách pha chế sản xuất ma túy, chỉ đạo các bị cáo khác thay đổi nhiều địa điểm nơi sản xuất khác nhau nếu bị phát hiện; đồng thời trực tiếp giao dịch trao đổi mua bán trái phép chất ma túy Cỏ Mỹ với nhiều đối tượng trên cả nước; chủ động quay video quá trình sản xuất, phun tẩm ma túy Cỏ M đưa lên mạng xã hội nhằm chứng minh cho khách (mua ma túy) biết sản xuất ra ma túy Cỏ Mỹ là có thật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định bị cáo là người giữ vai trò chính và phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án là có căn cứ.

Đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng Như Â, Đỗ Ngọc B1 tuy không trực tiếp sản xuất ma túy nhưng các bị cáo đã giúp sức tích cực cho Đỗ Ngọc T trong việc mua bán trái phép chất ma túy Cỏ M; các bị cáo cung cấp tài khoản ngân hàng để thực hiện việc giao dịch chuyển nhận tiền mua bán ma túy và được hưởng lợi ích vật chất từ hành vi này. Riêng bị cáo Â còn có hành vi phân lẻ ma túy, giúp T trả tiền công cho các bị cáo khác trong thời gian T bỏ trốn truy nã. Toà án cấp sơ thẩm đánh giá vai trò trong vụ án của Nguyễn Hoàng Như Â và Đỗ Ngọc B1 tương đương nhau là có cơ sở.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1]. Đối với bị cáo Đỗ Ngọc T:

Trên cơ sở đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với Đỗ Ngọc T là có căn cứ, đúng pháp luật. Xác định bị cáo là người giữ vai trò chính, là kẻ cầm đầu, tổ chức hoạt động phạm tội; số lượng ma túy bị cáo tham gia sản xuất để mua bán là đặc biệt lớn, nhiều loại ma túy nên Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt Tử hình, loại bỏ bị cáo vĩnh viễn ra khỏi đời sống xã hội là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như hậu quả bị cáo gây ra, đồng thời loại hình phạt này mới đủ tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Đỗ Ngọc T kháng cáo cho rằng, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không tiến hành giám định hàm lượng chất ma túy đối với số lượng ma túy mà bị cáo bị quy kết mua bán, dẫn đến quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo

không khách quan, mức án sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là quá cao là không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ: tại Kết luận giám định số 6026/KL-KTHS ngày 20/9/2023 và Kết luận số 2975/KL-KTHS ngày 25/6/2024 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Hiện nay, không có mẫu chuẩn định lượng MDMA-4en-PINACA và MDMA-FUBINACA nên không tiến hành giám định hàm lượng MDMA-4en-PINACA và MDMA-FUBINACA theo yêu cầu của Cơ quan cảnh sát điều tra. Mặt khác, theo quy định tại khoản 5 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì các chất thu giữ trong vụ án này đã được xác định là ma túy loại MDMA-4en-PINACA và loại MDMA-FUBINACA nên không thuộc trường hợp bắt buộc phải giám định hàm lượng.

[4.2]. Đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng Như Á, Đỗ Ngọc B1:

Các bị cáo là những người giúp sức và thực hành tích cực theo sự phân công, điều hành của Đỗ Ngọc T; trong đó Á, B1 nhiều lần tham gia mua bán cùng T với số lượng ma túy lớn như bị cáo T bị quy kết. Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hoàng Như Á; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hoàng Như Á, Đỗ Ngọc B1 là đúng pháp luật.

Hình phạt 20 năm tù đối với Nguyễn Hoàng Như Á và Đỗ Ngọc B1 mà cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là tương xứng và đã thể hiện sự phân hoá vai trò của các bị cáo trong vụ án cũng như phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4.3]. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Á, Đỗ Ngọc B1 không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới; bản án sơ thẩm xét xử và quyết định mức, loại hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp như nhận định tại mục [4] nêu trên của bản án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Á, Đỗ Ngọc B1 phải chịu theo quy định; bị cáo Mai Đức Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Mai Đức Đ. Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Â và Đỗ Ngọc B1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà về phần hình phạt đối với các bị cáo.

2.1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; khoản 1 Điều 40; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm a, g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đỗ Ngọc T Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Đỗ Ngọc T có quyền gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng Như Â 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam đi thi hành án.

2.3. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đỗ Ngọc B1 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 18 tháng 12 năm 2024.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hoàng Như Â và Đỗ Ngọc B1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Khánh Hoà;
- Trại tạm giam công an tỉnh Khánh Hoà;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên